

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2026/HS-PT
Ngày 25-3-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Dương Anh Văn.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Yên Xuân - Thư ký Tòa Phúc Thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyệt H - Kiểm sát viên.

Ngày 25/3/2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 66/2026/TLPT-HS ngày 03/02/2026 đối với bị cáo Đỗ Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 809/2025/HS-ST ngày 23-12-2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo: Đỗ Văn T, sinh ngày 11/11/1978 tại tỉnh An Giang; Hộ khẩu thường trú: tổ A, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang (nay là phường V, tỉnh An Giang); chỗ ở: Không cố định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; giới: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật giáo; con ông Đỗ Bạch N (chết) và bà Nguyễn Thị H1 (chết); sống chung với bà Đinh Thị Ngọc B và có 02 con chung với bà B (con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 1998; có 7 anh chị em; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2024 tại Trại Tạm giam C, Công an Thành phố H; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Hồng N1, luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

(Ngoài ra còn có đại diện hợp pháp của bị hại, người giám hộ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Văn T và chị Võ Thị Tú H2 sống chung như vợ chồng tại nhà thuê ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, khoảng 06 tháng. Do mâu thuẫn tình cảm nên cuối tháng 02/2024, chị H2 về Thành phố Hồ Chí Minh. Vào khoảng 23 giờ ngày 13/5/2024, Trường Đ, biển kiểm soát (BKS) 67K1-691.82 đến Thành phố Hồ Chí Minh tìm chị H2. Khi đi, T mang theo 01 con dao dài khoảng 26cm, lưỡi sắc, mũi nhọn bằng kim loại màu sáng, cán bằng nhựa màu đen bỏ trong ba lô.

Khoảng 04 giờ sáng ngày 14/5/2024, T điều khiển xe đi đến xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do không biết rõ chị H2 ở đâu nên T đi tìm nhưng không gặp. Khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến trước nhà số A đường T, xã B, huyện B Trường thấy chị H2 đang đi bộ ngược chiều nên dừng xe, chặn chị Huỳnh L và yêu cầu quay về chung sống với T, nhưng chị H2 không đồng ý. T bước xuống xe lấy con dao trong ba lô cầm trên tay phải đi lại nơi chị H2 đang đứng, dùng tay trái túm lấy cổ áo ép chị Huỳnh N2 lên xe nhưng chị H2 chống cự. T dùng dao đâm 02 nhát trúng vào vai và sườn phải của chị H2. Chị H2 vùng vẫy làm T, chị H2 và xe máy ngã xuống đường. T đứng dậy dùng tay phải cầm dao tiếp tục đâm liên tiếp nhiều nhát theo hướng từ trên xuống trúng vào người của chị H2 (01 vết thủng rách da liên sườn 7 bên phải nách trước, 01 vết mặt sau 1/3 cánh tay trái, 01 vết mặt trước đoạn 1/3 đùi trái; 01 vết thương đứt da mặt sau đoạn 1/3 giữa cánh tay phải). Thấy chị H2 bị chảy nhiều máu và người dân đi đường tri hô nên T ngậm con dao vào miệng rồi điều khiển xe bỏ chạy. Chị H2 được đưa đến Bệnh viện huyện B cấp cứu, đến khoảng 10 giờ ngày 14/5/2024 thì chị H2 tử vong.

Sau khi gây án, T vứt bỏ con dao và ba lô ở dọc đường (không nhớ địa điểm) và điều khiển xe về nhà cha mẹ T tại ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, gặp chị T1 là em gái; T không nói với chị T1 biết là T2 đã đâm chị H2 mà T nói với chị T1 bị người nhà chị H2 đánh rồi T nhờ chị T1 đi cầm chiếc xe máy cho T để T lấy tiền đi làm ăn. Chị T1 đến tiệm cầm đồ của chị Lý Thị Thùy T3 cầm cố xe cho T được 7.000.000 đồng. T gửi lại chị T1 2.000.000 đồng để trả tiền lãi cầm cố xe, rồi bỏ đi. Đến ngày 16/5/2024, biết tin Công an đang truy tìm nên T đến Công an huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đầu thú.

Qua điều tra, xác minh Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 chiếc dép (bên phải) quai kẹp màu nâu, 01 xe gắn máy hiệu Honda Blade BKS 67K1 - 691.82, 01 chiếc dép bên trái màu trắng sữa, 01 khẩu trang vải sọc carô màu nâu trắng, 01 bao tay bằng vải màu xanh có chấm bi tròn màu trắng, 01 nón bằng vải màu tím sọc trắng.

Tại bản Kết luận giám định tử thi số 5975-24/KL-KTHS ngày 14/6/2024 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận:

- Vết thương ở trước trên khớp vai phải, kích thước 5,5cm x 2cm, làm thủng cơ liên sườn 2 bên phải ở đoạn 1/3 ngoài xương đòn dạng hình khe (rãnh xuyên dài 9,7cm), xuyên thủng thùy trên phổi phải từ mặt trước vào mặt trong (trên rốn phổi) dạng hình khe (ở mặt trước dài 1,8cm, ở mặt trong tận cùng ngay trước màng phổi tạng – không xuyên) gây tụ máu trong rãnh xuyên, rãnh xuyên trên phổi dài 5cm. Vết thương có chiều hướng từ trên xuống dưới, trước ra sau, từ phải sang trái.

- Vết thương ở bờ sườn phải, cạnh trên 2,5cm x 0,7cm, cạnh dưới 3cm x 0,6cm, làm đứt sụn sườn 10 bên phải dạng hình khe, thủng mặt trên gan thùy phải

hai vết liền nhau dạng hình khe, vết ngoài 1,5cm, vết trong dài 4,5cm, thông nhau và cách nhau 1,5cm bằng bao màng gan. Vết thương sâu 3cm.

- Các vết thương tại liên sườn 7 phải trên đường nách trước, kích thước 1cm x 0,7cm; mặt trong đoạn 1/3 dưới cánh tay trái, kích thước 3,5cm x 1cm; mặt sau đoạn 1/3 giữa cánh tay trái, kích thước 3,5cm x 1cm; mặt trước đoạn 1/3 trên đùi trái, kích thước 2cm x 0,7cm; mặt sau đoạn 1/3 dưới đùi trái, kích thước 7,2cm x 3,4cm.

Nguyên nhân chết: Võ Thị Tú H2 chết do đa vết thương đâm thủng phổi phải và gan.

Về trách nhiệm dân sự: Do cha, mẹ chị H2 đã mất, không có anh, em và chồng nên chị Huỳnh Thị Diễm T4 (em họ chị H2) là người trực tiếp chi phí điều trị, mai táng và đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Võ Quang T5 (sinh ngày 11/5/2010, con ruột chị H2) yêu cầu bị cáo T bồi thường tiền tổn thất tinh thần, chi phí cấp dưỡng nuôi cháu T5 đến 18 tuổi, bị cáo Trường chưa bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 809/2025/HS-ST ngày 23-12-2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định (tóm tắt):

Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 40 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T tử hình về tội “Giết người”. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành hình phạt.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, về án phí hình sự sơ thẩm, và quyền kháng cáo.

Ngày 29/12/2025, bị cáo Đỗ Văn T kháng cáo Bản án sơ thẩm, xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tội danh và hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với Bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của Bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho Bị cáo tranh luận: Bị cáo có nhân thân tốt, nhận thức pháp luật thấp; đã ăn năn hối cải nên mong Hội đồng xét xử cho Bị cáo được hưởng mức án chung thân.

Bị cáo tranh luận: Bị cáo không cố ý tước đoạt tính mạng của bà H2, nhưng do chị H2 không đồng ý trở về chung sống nên Bị cáo nổi cơn ghen tuông, nhất thời phạm tội. Bị cáo không có tiền án, tiền sự nên mong hội đồng xét xử cho Bị cáo được hưởng mức án chung thân để có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn T làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của Bị cáo, thấy rằng, do bức tức chị Võ Thị Tú H2 đang chung sống với Bị cáo như vợ chồng nhưng bỏ đi nơi khác, khoảng 08 giờ 30 phút ngày 14/5/2024, Bị cáo tìm thấy chị H2 và yêu cầu chị Huỳnh Q về chung sống, nhưng chị H2 từ chối, Bị cáo đã dùng dao đâm nhiều nhát vào cơ thể chị Võ Thị Tú H2 gây nên cái chết của chị H2.

Hành vi của Bị cáo mang tính côn đồ hung hãn; Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý tước đoạt tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội nên đã cấu thành tội “*Giết người*” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi tắt là BLHS).

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, Bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; đã ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Bị cáo phạm tội thuộc loại đặc biệt nghiêm trọng; trước khi phạm tội, Bị cáo đã chuẩn bị công cụ phạm tội (dao); sau khi đâm 02 nhát dao vào phần ngực của chị H2, chị H2 ngã xuống, bị cáo còn đâm tiếp 04 nhát vào nách, đùi, cánh tay chị H2, chứng tỏ bị cáo cố ý tước đoạt mạng sống của chị H2. Chị Huỳnh C đã gây tổn thất, đau thương cho người thân của chị H2, nhất là trẻ Võ Quang T5, sinh năm 2010 (con của chị H2), không có cha mẹ chăm sóc, phải sống nương tựa bà con họ hàng.

[5] Xét thấy, hành vi của Bị cáo đã mất nhân tính, không còn khả năng cải tạo giáo dục nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 40 BLHS, phạt Bị cáo mức hình phạt cao nhất, loại bỏ Bị cáo ra khỏi xã hội là đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả của tội phạm do Bị cáo gây ra, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới nên Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định trên.

[7] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Do yêu cầu kháng cáo của Bị cáo không được chấp nhận nên Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 343, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 809/2025/HS-ST ngày 23-12-2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 40 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T tử hình về tội “*Giết người*”. Tiếp tục tạm giam Bị cáo để đảm bảo việc thi hành hình phạt.

3. Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án,

Buộc bị cáo Đỗ Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phân quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Đỗ Văn T được quyền gửi đơn xin ân giảm án tử hình đến Chủ tịch N3./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCT & KSXXPT tại Tp. HCM;
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- Công an Tp. HCM;
- THADS Tp. HCM;
- Trại tạm giam Tp. HCM; (Trại tạm giam tổng đạt cho bị cáo);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, VNYX.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Tuấn

